

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
Quý 4 năm 2024 của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

ĐOÀN CHỦ TỊCH TRUNG ƯƠNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 26/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 của các bộ, cơ quan ở trung ương thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 3499/QĐ-ĐCT ngày 20/02/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 3565/QĐ-ĐCT ngày 15/03/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (đợt 2); Quyết định số 3703/QĐ-ĐCT ngày 19/4/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (đợt 2); Quyết định số 4435/QĐ-ĐCT ngày 23/8/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024; Quyết định số 4845/QĐ-ĐCT ngày 24/10/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (sau cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết 119/NQ-CP),

QUYẾT ĐỊNH:

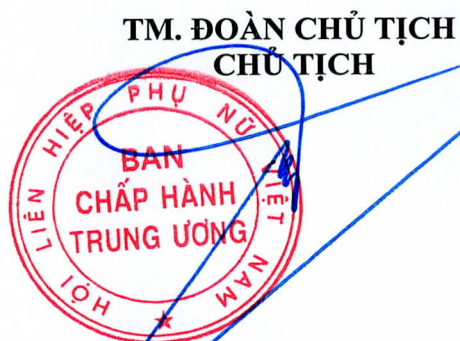
Điều 1. Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý 4 năm 2024 của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT ĐCT (để báo cáo);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu VT, VP (Phòng TC).



**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Tuyền

**THUYẾT MINH CÔNG KHAI DỰ TOÁN NSNN QUÝ 4 NĂM 2024****của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam**

(Kèm theo Quyết định số 5173/QĐ-ĐCT ngày 30/12/2024 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam)

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 26/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 của các bộ, cơ quan ở trung ương thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; Quyết định số 3499/QĐ-ĐCT ngày 20/02/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 3565/QĐ-ĐCT ngày 15/03/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (Đợt 2); Quyết định số 3703/QĐ-ĐCT ngày 19/4/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (đợt 2); Quyết định số 4435/QĐ-ĐCT ngày 23/8/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024; Quyết định số 4845/QĐ-ĐCT ngày 24/10/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (sau cắt giảm tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết 119/NQ-CP), Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý 4 năm 2024 cụ thể như sau:

I. Dự toán thu năm 2024: 1.800 triệu đồng, đã giao cho Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, gồm:

- Phí thăm quan Bảo tàng: 1.800 triệu đồng
- Số thu nộp ngân sách nhà nước: 180 triệu đồng
- Số chi từ nguồn thu được để lại: 1.620 triệu đồng, đã cắt giảm tiết kiệm 5% theo Nghị quyết 119/NQ-CP là 14 triệu đồng; số còn lại giao cho đơn vị là: 1.606 triệu đồng, cụ thể:
 - + Chi thường xuyên giao tự chủ: 1.350 triệu đồng;
 - + Chi thường xuyên không giao tự chủ: 256 triệu đồng.

II. Dự toán chi thường xuyên được giao năm 2024 (gồm kinh phí chi thường xuyên và chi CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 192.341 triệu đồng, kinh phí giao bổ sung năm 2024 là: 1.901 triệu đồng; Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban

hành quyết định cắt giảm tiết kiệm 5% kinh phí theo Nghị quyết 119/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ về tiết kiệm 5% dự toán được giao năm 2024 là: **2.845 triệu đồng**, tổng dự toán còn lại năm 2024 là **191.397** được phân bổ như sau:

1. Sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề: 19.683 triệu đồng, gồm:

1.1. Kinh phí phân bổ cho Văn phòng TW Hội: 3.377 triệu đồng

- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức trong nước (Loại 070 - Khoản 085): 554 triệu đồng

- Đề án “Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025” (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083): 2.823 triệu đồng

1.2. Kinh phí phân bổ cho Học viện Phụ nữ Việt Nam: 12.127 triệu đồng

- Kinh phí thường xuyên (Loại 070 - Khoản 081): 3.192 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ: 2.695 triệu đồng;

- Kinh phí trợ cấp xã hội đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1121/1997/QĐ -TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 197/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 là: 41 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số theo QĐ 66/2013/QĐ-TTg: 632 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ: 378 triệu đồng;

- Kinh phí cấp bù tiền học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC: 253 triệu đồng;

- Đề án “Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025” (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083): 3.677 triệu đồng;

- Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025" theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 070 - Khoản 083): 309 triệu đồng.

- Kinh phí mua 01 xe ô tô phục vụ công tác chung của Học viện (xe ô tô 7 chỗ): 950 triệu đồng.

1.3. Kinh phí phân bổ cho Trường Trung cấp Lê Thị Riêng: 4.253 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí thường xuyên (Loại 070 - Khoản 092): 1.705 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ: 2.474 triệu đồng.

2. Sự nghiệp khoa học công nghệ (Loại 100 - Khoản 103): 2.575 triệu đồng, đã giao cho Văn phòng TW Hội (gồm:

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (kinh phí đề tài khoa học): 1.473 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ không thường xuyên khác: 1.102 triệu đồng.

3. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 11.232 triệu đồng, đã phân bổ cho các đơn vị:

3.1. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam: 5.382 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí thường xuyên của Bảo tàng PNVN (Loại 160-Khoản 161): 3.997 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 150 triệu đồng

- Kinh phí Tổ chức sưu tầm, trưng bày triển lãm; bảo quản chuyên sâu hiện vật, tổ chức sự kiện giao lưu văn hóa, hoạt động truyền thông giáo dục, xây dựng video clip về các hoạt động trải nghiệm tại Bảo tàng; đoàn ra Hàn Quốc phối hợp tổ chức triển lãm (Loại 160 - Khoản 161): 1.235 triệu đồng.

3.2. Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam: 800 triệu đồng (Kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm Loại 160 - Khoản 171)

3.3. Báo Phụ nữ Việt Nam: 4.988 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí cấp ấn phẩm báo Phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho các trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng (Loại 160 - Khoản 171): 1.240 triệu đồng.

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ/không thường xuyên: Kinh phí làm phim tài liệu về đóng góp của phụ nữ vào chiến thắng Điện Biên Phủ (Loại 160 - Khoản 171): 1.425 triệu đồng;

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ/không thường xuyên: Kinh phí làm phim tài liệu về Tiểu đoàn nữ biệt động Lê Thị Riêng (Loại 160 - Khoản 171): 1.235 triệu đồng;

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ/không thường xuyên: Sử kể về các nhân vật nữ anh hùng, phụ nữ có vai trò quan trọng trong lịch sử dân tộc thời đại Hồ Chí Minh (Loại 160 - Khoản 171): 1.150 triệu đồng.

4. Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250- Khoản 278): 2.375 triệu đồng, đã giao cho Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam.

5. Sự nghiệp kinh tế: Chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông (Loại 280 - Khoản 338): 428 triệu đồng, đã giao cho Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam.

6. Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 361): 73.595 triệu đồng; đã phân bổ cho các đơn vị:

6.1. Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam: 66.681 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ: 45.584 triệu đồng;
- + Kinh phí thực hiện chi lương, các khoản theo lương: 33.500 triệu đồng;
- + Kinh phí chi quản lý hành chính theo định mức: 12.084 triệu đồng (trong đó: giao tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2024 so với dự toán năm 2023 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ, các khoản đóng góp bắt buộc của Chính phủ Việt Nam cho các tổ chức quốc tế - niên liễm) dành cho cải cách tiền lương của Văn phòng TW Hội là 547 triệu đồng;
- Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ: 21.097 triệu đồng, gồm kinh phí chương trình, đề án là 11.600 triệu đồng; Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP là 1.090 triệu đồng và kinh phí các hoạt động giao riêng là 8.341 triệu đồng.

6.2. Ban Công tác phía Nam: 3.409 triệu đồng:

- Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ: 3.242 triệu đồng;
- + Kinh phí thực hiện chi lương, các khoản theo lương: 2.501 triệu đồng;
- + Kinh phí chi quản lý hành chính theo định mức: 741 triệu đồng (trong đó: giao tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2024 so với dự toán năm 2023 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ, các khoản đóng góp bắt buộc của Chính phủ Việt Nam cho các tổ chức quốc tế - niên liễm) dành cho cải cách tiền lương của Ban Công tác phía Nam là 3 triệu đồng;
- Kinh phí Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”: 95 triệu đồng;
- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 72 triệu đồng.

6.3. Học viện Phụ nữ Việt Nam: 466 triệu đồng (Kinh phí Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”).

6.4. Trường Trung cấp Lê Thị Riêng: 74 triệu đồng (Kinh phí Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”).

6.5. Báo Phụ nữ Việt Nam: 2.376 triệu đồng, gồm:

- Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”: 333 triệu đồng;
- Đề án 938 "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến Phụ nữ giai đoạn 2017-2027": 143 triệu đồng;
- Đề án "Trang tin điện tử phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài": 1.900 triệu đồng.

6.6. Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam: 190 triệu đồng, gồm:

- Đề án 938 "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia

quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến Phụ nữ giai đoạn 2017-2027": 95 triệu đồng;

- Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”: 95 triệu đồng.

6.7. Trung tâm Phụ nữ và Phát triển: 114 triệu đồng (Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”).

6.8. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam: 285 triệu đồng (Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”).

7. Sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 398): 2.898 triệu đồng, đã phân bổ cho các đơn vị:

- Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam: 808 triệu đồng, gồm:

+ Kinh phí thực hiện Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030: 285 triệu đồng;

+ Kinh phí chương trình phòng chống mua bán người theo Quyết định 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ: 285 triệu đồng.

+ Kinh phí thực hiện chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 112/QĐ-TTg và Quyết định số 2096/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 238 triệu đồng.

- Trung tâm Phụ nữ và Phát triển: 1.900 triệu đồng (Kinh phí hỗ trợ mô hình ngôi nhà tạm lánh)

- Học viện Phụ nữ Việt Nam: 190 triệu đồng (Kinh phí thực hiện chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 112/QĐ-TTg và Quyết định số 2096/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

III. Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 là: 74.585 triệu đồng, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban hành quyết định phân bổ dự toán cho các đơn vị trực thuộc như sau:

1. Dự án 8 - Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Mã số 0518) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 398): **76.924** triệu đồng, gồm:

- Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam: 54.924 triệu đồng;

- Ban Công tác phía Nam: 2.500 triệu đồng;

- Học viện Phụ nữ Việt Nam: 3.000 triệu đồng;

- Báo Phụ nữ Việt Nam: 5.000 triệu đồng;

- Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam: 3.500 triệu đồng;

- Trung tâm Phụ nữ và Phát triển: 5.000 triệu đồng;

- Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam: 3.000 triệu đồng.

2. Dự án 10 - Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (Mã số 0521): Tiểu dự án 3 - Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (Chi sự nghiệp kinh tế Loại 280 - Khoản 338): 1.587 triệu đồng, đã phân bổ cho Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam.

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
CHƯƠNG 112

MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH: 1059355

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC QUÝ 4 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 5173/QĐ-ĐCT ngày 30/12/2024 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam công khai dự toán thu-chi ngân sách Quý 4 năm 2024 như sau (Có thuyết minh kèm theo):

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
A	B	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	DỰ TOÁN THU	1.800	0	0	0	0	0	0	0	1.800	
1	Số thu phí, lệ phí	1.800								1.800	
	- Phí thăm quan Bảo tàng Phụ nữ VN	1.800								1.800	
2	Số thu nộp NSNN	180								180	
	- Phí thăm quan Bảo tàng Phụ nữ VN	180								180	
3	Chi từ nguồn phí được để lại	1.606								1.606	
	Sự nghiệp văn hóa, thông tin	1.606								1.606	
	- Chi thường xuyên	1.350								1.350	

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BẢO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	- Chi không thường xuyên	256								256	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	191.397	132.755	5.909	15.783	4.253	12.426	4.490	7.114	8.667	
	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN	112.886	76.244	3.409	12.783	4.253	7.426	990	2.114	5.667	
I	Sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề	19.683	3.377	0	12.127	4.179	0	0	0	0	
1	Kinh phí thường xuyên	4.897	0	0	3.192	1.705	0	0	0	0	
	Chi giáo dục đào tạo nghề Loại 070 - Khoản 092)	1.705				1.705					
	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo (Loại 070 - Khoản 081)	3.192			3.192						
2	Kinh phí không thường xuyên	14.786	3.377	0	8.935	2.474	0	0	0	0	
2,1	Chi giáo dục đào tạo nghề Loại 070 - Khoản 092)	2.474	0	0	0	2.474	0	0	0	0	
	Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ	2.474				2.474					
2,2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo (Loại 070 - Khoản 081)	3.999	0	0	3.999	0	0	0	0	0	
	Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ	2.695			2.695						

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	Kinh phí trợ cấp xã hội đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1121/1997/QĐ -TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 197/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001	41			41						
	Kinh phí hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số theo QĐ 66/2013/QĐ-TTg	632			632						
	Kinh phí thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ	378			378						
	Kinh phí cấp bù tiền học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	253			253						
2,3	Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức trong nước (Loại 070 - Khoản 085)	554	554								
2,4	- Đề án “Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025” (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083)	6.500	2.823		3.677						

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
2,5	Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025" theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 070 - Khoản 083)	309			309						
2,6	Kinh phí mua 01 xe ô tô phục vụ công tác chung của Học viện (xe ô tô 7 chỗ)	950			950						
II	Sự nghiệp khoa học công nghệ (Loại 100 - Khoản 103)	2.575	2.575	0	0	0	0	0	0	0	
1	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ không thường xuyên khác	1.102	1.102								
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (kinh phí đề tài khoa học)	1.473	1.473								
III	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	11.232	0	0	0	0	5.050	800	0	5.382	
1	KP TX (Loại 160-Khoản 161)	5.382	0	0	0	0	0	0	0	5.382	
1,1	Kinh phí thường xuyên	3.997								3.997	
1,2	Kinh phí không thường xuyên (Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP)	150								150	
1,3	Kinh phí không thường xuyên	1.235	0	0	0	0	0	0	0	1.235	

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	<i>Tổ chức sưu tầm, trưng bày triển lãm; bảo quản chuyên sâu hiện vật, tổ chức sự kiện giao lưu văn hóa, hoạt động truyền thông giáo dục, xây dựng video clip về các hoạt động trải nghiệm tại Bảo tàng; đoàn ra Hàn Quốc phối hợp tổ chức triển lãm</i>	1.235								1.235	
2	Kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm (Loại 160 - Khoản 171)	800						800			
3	Kinh phí cấp ấn phẩm báo Phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho các trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng (Loại 160 - Khoản 171)	1.240					1.240				
4	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ/không thường xuyên: Kinh phí làm phim tài liệu về đóng góp của phụ nữ vào chiến thắng Điện Biên Phủ (Loại 160 - Khoản 171)	1.425					1.425				
5	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ/không thường xuyên: Kinh phí làm phim tài liệu về Tiểu đoàn nữ biệt động Lê Thị Riêng (Loại 160 - Khoản 171)	1.235					1.235				

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
6	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ/không thường xuyên: Sử kể về các nhân vật nữ anh hùng, phụ nữ có vai trò quan trọng trong lịch sử dân tộc thời đại Hồ Chí Minh (Loại 160 - Khoản 171)	1.150					1.150				
IV	Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250- Khoản 278)	2.375	2.375	0	0	0	0	0	0	0	
	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ										
	Thông tin, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho Hội viên; Truyền thông thay đổi hành vi về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và triển khai phong trào chống rác thải nhựa cho phụ nữ trên phạm vi cả nước	2.375	2.375								
V	Sự nghiệp kinh tế	428	428	0	0	0	0	0	0	0	
	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ										
	Chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông (Loại 280 - Khoản 338)	428	428								
VI	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (Loại 340 - Khoản 361)	73.595	66.681	3.409	466	74	2.376	190	114	285	

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	49.988	46.674	3.314	0	0	0	0	0	0	
1,1	Kinh phí thực hiện chi lương, các khoản theo lương	36.001	33.500	2.501							
1,2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.162	1.090	72							
1,3	Kinh phí chi quản lý hành chính theo định mức	12.825	12.084	741							
	<i>Giao tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2024 so với dự toán năm 2023 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ, các khoản đóng góp bắt buộc của Chính phủ Việt Nam cho các tổ chức quốc tế - niên liễm) dành cho cải cách tiền lương là: 550 triệu đồng (Trong đó: Văn phòng TW Hội là 547 triệu đồng; Ban Công tác phía Nam là 3 triệu đồng)</i>										
2	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	23.607	20.007	95	466	74	2.376	190	114	285	

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
2,1	Kinh phí Chương trình, Đề án	15.200	11.600	95	466	74	2.376	190	114	285	
	Đề án 938 "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến Phụ nữ giai đoạn 2017-2027"	3.800	3.562				143	95			
	Đề án 939 "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025"	7.600	6.138	95	466	74	333	95	114	285	
	Đề án "Trang tin điện tử phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài"	1.900					1.900				
	- Đề án "Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030" theo Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ	950	950								
	Kinh phí thực hiện Chương trình phối hợp giữa Chính phủ, Hội Nông dân và Hội LHPN Việt Nam về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm chất lượng, an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2021-2025	950	950								
2,2	Kinh phí các hoạt động giao riêng	8.407	8.407	0	0	0	0	0	0	0	
	Chi đóng niên lễ	20	20								
	Kinh phí mua 01 xe ô tô phục vụ công tác chung (xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi)	1.300	1.300								

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	Chi khen thưởng	475	475								
	Kinh phí hoạt động chuyên môn (Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954-7/5/2024) với chuỗi hoạt động: Về nguồn (cấp hệ thống Hội toàn quốc và cấp cơ quan TW Hội); chương trình giao lưu nghệ thuật "Phụ nữ Việt Nam với chiến thắng Điện Biên Phủ"; khánh thành Nhà Đại đoàn kết; tổ chức các hoạt động tham gia Lễ hội Hoa ban (dân vũ, áo dài và các trang phục dân tộc); Trao giải thưởng Nguyễn Thị Định gắn với Hội nghị biểu dương cán bộ Hội chuyên trách cấp huyện; Tổ chức các hoạt động đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu PNTQ lần thứ XIII...)	6.612	6.612								
VII	Sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 398)	2.998	808	0	190	0	0	0	2.000	0	
	<i>Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ</i>										
1	Kinh phí thực hiện Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030	285	285								

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
2	Kinh phí hỗ trợ mô hình ngôi nhà tạm lánh	2.000							2.000		
3	Kinh phí chương trình phòng chống mua bán người theo Quyết định 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ	285	285								
4	Kinh phí thực hiện chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 112/QĐ-TTg và Quyết định số 2096/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	428	238		190						
	DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	78.511	56.511	2.500	3.000	0	5.000	3.500	5.000	3.000	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	78.511	56.511	2.500	3.000	0	5.000	3.500	5.000	3.000	
1	Dự án 8 - Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Mã số 0518)	76.924	54.924	2.500	3.000	0	5.000	3.500	5.000	3.000	
	<i>Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ/Kinh phí không thường xuyên</i>										

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1132465)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 398)	76.924	54.924	2.500	3.000	0	5.000	3.500	5.000	3.000	
2	Dự án 10 – Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (Mã số 0521)	1.587	1.587	0	0	0	0	0	0	0	
	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - Khoản 338) - Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	1.587	1.587	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiểu dự án 3 - Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	1.587	1.587								
	KHO BẠC NHÀ NƯỚC NƠI GIAO DỊCH		Sở giao dịch KBNN, Mã số 0003	KBNN Quận 3 - TP HCM, Mã số 0112		KBNN Thủ Đức-TPHCM, Mã số 0136	KBNN Quận Hai Bà Trưng Mã số: 0014	KBNN Quận Hai Bà Trưng Mã số: 0014	KBNN Quận Tây Hồ, Mã số: 0021	KBNN Quận Hoàn Kiếm Mã số: 0013	